

GIẢI BÀI TẬP NGỮ VĂN 7

TỪ ĐỒNG NGHĨA

I. Thế nào là từ đồng nghĩa?

Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.

Câu 1:

- Từ đồng nghĩa với rọi là chiếu
- Từ đồng nghĩa với trông là nhìn

Câu 2:

- a. Trông coi, chăm nom, ...
- b. Trông mong, trông chờ, ngóng, ...

II. Các loại từ đồng nghĩa

Từ đồng nghĩa có hai loại

- Đồng nghĩa hoàn toàn (không phân biệt nhau về sắc thái nghĩa)
- Đồng nghĩa không hoàn toàn (có sắc thái nghĩa khác nhau)

Câu 1: Hai từ quả, trái đồng nghĩa hoàn toàn với nhau, có thể thay thế được cho nhau trong văn cảnh.

Câu 2: Nghĩa của từ bỏ mạng và hi sinh:

- Giống nhau: đều dùng để chỉ cái chết.
- Khác nhau: Về sắc thái biểu cảm (từ hi sinh chỉ cái chết đáng tôn trọng, ngược lại từ bỏ mạng thường dùng để chỉ cái chết của những kẻ xấu xa)

Hai từ này tuy cũng có những nét nghĩa tương đồng nhưng có những trường hợp không thể thay thế được cho nhau.

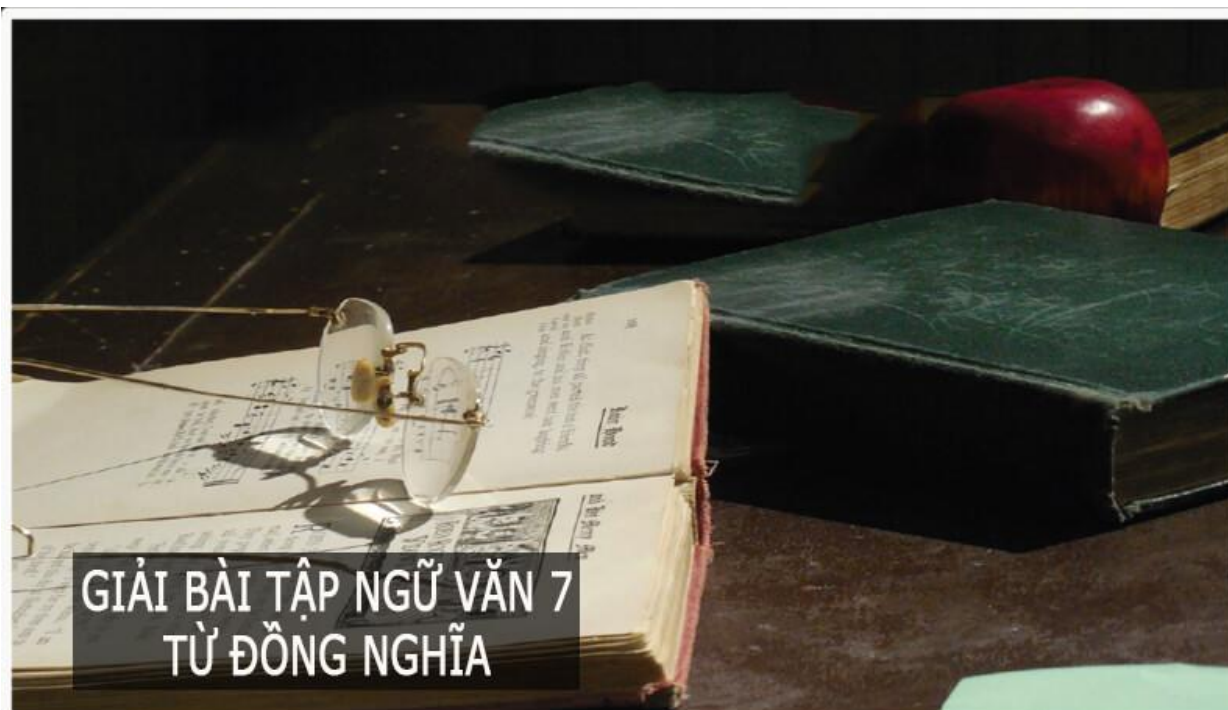
III. Sử dụng từ đồng nghĩa

Câu 1:

- quả và trái là những từ đồng nghĩa hoàn toàn

- bỏ mạng và hi sinh đồng nghĩa không hoàn toàn

Những từ đồng nghĩa hoàn toàn thì có thể thay thế cho nhau mà không ảnh hưởng gì đến ý nghĩa của câu (có thể thay quả bằng trái và ngược lại); còn các từ đồng nghĩa không hoàn toàn thì việc thay thế sẽ dẫn đến sự thay đổi ý nghĩa của câu, nhất là sắc thái nghĩa biểu cảm (không thể thay bỏ mạng bằng hi sinh, vì mặc dù đều có nghĩa gốc là chết nhưng bỏ mạng mang sắc thái khinh bỉ, còn hi sinh lại mang sắc thái kính trọng, ngợi ca.)



Câu 2:

Chinh phụ ngâm khúc là văn bản thơ cổ. Sau phút chia li và Sau phút chia tay chỉ khác nhau ở từ chia li và chia tay. Hai từ này đồng nghĩa với nhau: đều có nghĩa là "rời nhau, mỗi người đi một nơi". Nhưng từ chia li hợp lí hơn, vì từ này mang sắc thái cổ xưa, phù hợp với văn bản thơ cổ hơn, gợi ra cảnh ngộ của người chinh phụ xưa rõ ràng hơn

IV. Luyện tập

Câu 1: Tìm từ Hán Việt đồng nghĩa điền vào bảng sau:

Từ thuần Việt	Từ Hán Việt đồng nghĩa	Từ thuần Việt	Từ Hán Việt đồng nghĩa
Gan dạ	Dũng cảm	Của cải	Tài sản
Nhà thơ	Thi sĩ	Nước ngoài	Ngoại quốc
Mồ xẻ	Phân tích	Chó biển	Hải cẩu

Đòi hỏi	Yêu cầu	Năm học	Niên khóa
Loài người	Nhân loại	Thay mặt	Đại diện

Câu 2:

- Máy thu thanh -> ra-đi-ô
- Sinh tố -> vi-ta-min
- Xe hơi -> ô tô
- Dương cầm -> pi-a-nô

Câu 3:

- Heo: lợn
- Lê-ki-ma: quả trứng gà
- Vô: vào

- ...

Câu 4: Có thể thay thế như sau:

- đưa - trao
- đưa - tiễn
- kêu – phàn nàn, ca thán
- nói - mắng
- đi - mất

Câu 5: Các nhóm từ gồm các từ đồng nghĩa, chỉ khác nhau về sắc thái biểu cảm:

- ăn: sắc thái bình thường; xoi: sắc thái lịch sự, xã giao; chén: sắc thái suồng sã, thân mật.
- cho: sắc thái bình thường, có khi là thái độ của người cao hơn đối với người thấp hơn, có khi là sắc thái ngang bằng, thân mật; biếu: thể hiện sự kính trọng, của người dưới với người trên; tặng: không phân biệt ngôi thứ trên dưới.
- yếu đuối: thiếu hụt hẳn về thể chất và tinh thần; yếu ớt: nói về sức mạnh thể chất, thiếu sức lực hoặc có tác dụng coi như không đáng kể.

- xinh: dùng bình phẩm với người còn trẻ, thiên về hình dáng bên ngoài, chỉ vẻ nhỏ nhắn, ưa nhìn; đẹp: nghĩa rộng hơn, không chỉ dùng bình phẩm về hình thức, được xem là cao hơn, toàn diện hơn xinh.

- tu: uống nhiều, liền một mạch, không mấy lịch sự; nhấp: uống từng tí một bằng đầu môi, thường là để cho biết vị; nốc: uống nhiều, nhanh, thô tục.

Câu 6: Điền từ:

a. Thành tích, thành quả

- Thế hệ mai sau sẽ được hưởng "thành quả" của công cuộc đổi mới hôm nay.

- Trường ta đã lập nhiều "thành tích" để chào mừng ngày Quốc khánh mùng 2 tháng 9.

b. Ngoan cố, ngoan cường.

- Bọn địch "ngoan cố" chống cự đã bị quân ta tiêu diệt.

- Ông ta đã "ngoan cường" giữ vững chí khí cách mạng.

c. Nhiệm vụ, nghĩa vụ.

- Lao động là "nghĩa vụ" thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi người.

- Thầy hiệu trưởng đã giao "nhiệm vụ" cụ thể cho lớp em trong đợt tuyên truyền phòng chống ma túy.

d. Giữ gìn, bảo vệ.

- Em Thúy luôn luôn "giữ gìn" quần áo sạch sẽ.

- "Bảo vệ" Tổ quốc là sứ mệnh của quân đội.

Câu 7:

a. đối xử, đối đãi

- Nó đối xử / đối đãi tử tế với mọi người xung quanh nên ai cũng mến nó. ()

- Mọi người đều bất bình trước thái độ đối xử của nó đối với trẻ em. (đối xử)

b. trọng đại, to lớn

- Cuộc Cách mạng tháng Tám có ý nghĩa trọng đại / to lớn đối với vận mệnh dân tộc.

- Ông ta thân hình to lớn như hộ pháp.

Câu 8: Đặt câu chứa các từ: bình thường, tầm thường, kết quả, hậu quả

- Tôi thấy nó cũng bình thường thôi.

- Tôi không nghĩ anh lại làm cái việc tầm thường ấy.
- Bài toán này cậu giải ra kết quả bao nhiêu?
- Chất độc màu da cam của đế quốc Mỹ đã để lại hậu quả khôn lường cho nhân dân Việt Nam.

Câu 9: Chữa lại các từ dùng sai như sau:

- Ông bà cha mẹ đã lao động vất vả, tạo ra thành quả để con cháu đời sau hưởng thụ.
- Trong xã hội ta, không ít người sống ích kỉ, không giúp đỡ đùm bọc/ che chở cho người khác.
- Câu tục ngữ "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" đã dạy cho chúng ta lòng biết ơn đối với thế hệ cha anh.
- Phòng tranh có trưng bày nhiều bức tranh của các họa sĩ nổi tiếng.